

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26/10/2018

V/v: “Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thành.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Đức Nhân.

Bà Lê Thị Dung.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Quốc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 682/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thái C**, sinh năm: 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Số 88, ấp T, xã P, huyện C, tỉnh B.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm: 1991 (Vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Số 39, tổ 13, ấp X, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 9 năm 2018, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Thái C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thanh H kết hôn với nhau vào năm 2012, có đăng kết hôn tại UBND xã Tiên, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào ngày 22/10/2012. Quá trình chung sống vợ chồng anh hạnh phúc được khoảng gần 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không phù hợp dẫn đến thường xuyên cự cãi, không quan tâm lẫn nhau. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ tháng 06/2014 đến nay.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh H.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Nguyễn Thái T, sinh ngày 11/05/2013. Hiện tại cháu T đang sống với chị H, Ly hôn anh có nguyện vọng giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Vì lý do bận công việc cá nhân và điều kiện đi lại khó khăn nên anh C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh C đề ngày 07/9/2018.*

*Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trong bản tự khai ngày 17/9/2018 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thái C kết hôn với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào ngày 22/10/2012. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng gần 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không phù hợp dẫn đến thường xuyên cự cãi, không quan tâm lẫn nhau. Chị và anh C đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Anh C hiện đang sinh sống tại nhà mẹ ruột ở xã Tiên Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Nay anh C xin ly hôn thì chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thái T, sinh ngày 11/05/2013. Hiện tại cháu T đang sống với chị, trường hợp ly hôn chị có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Vì lý do bận công việc cá nhân và điều kiện đi lại khó khăn nên chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 17/9/2018.*

*Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Từ khi thụ lý, quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Thái C và chị Nguyễn Thị Thanh H là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000. Quá trình sống chung anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn; bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly

thân mà không có biện pháp bàn bạc đoàn tụ cho thấy mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Anh C xin ly hôn, chị H cũng đồng ý ly hôn với anh C. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 việc anh C xin ly hôn với chị H là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thái T, sinh ngày 11/5/2013, hiện đang sống với chị H. Nguyễn vọng của anh C là giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H đồng ý. Do đó để đảm bảo về mặt nuôi dưỡng cho cháu T được tốt cũng như xem xét nguyện vọng của anh C, chị H, đề nghị giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ, chị H đồng ý nên đề nghị chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh C.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Thái C và bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh H có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C, chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp ly hôn. Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh H có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

[3]. Về nội dung: Anh Nguyễn Thái C và chị Nguyễn Thị Thanh H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào ngày 22/10/2012. Quá trình chung sống do tính tình vợ chồng không hòa hợp nên thường xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng anh C, chị H đã ly thân từ tháng 6/2014 đến nay mà không hàn gắn đoàn tụ được. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt, anh C xin ly hôn chị H tại Tòa án.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thái C về việc xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh H thì thấy rằng: Anh C, chị H kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào ngày 22/10/2012 nên xác định hôn nhân giữa anh C và chị H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và cách xây dựng gia đình. Vợ chồng đã ly thân từ

tháng 6/2014 không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Tại bản tự khai ngày 17/9/2018 chị H có ý kiến đồng ý ly hôn với anh C. Xét thấy, vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, quá trình ly thân đã lâu nhưng vợ chồng không bàn bạc đoàn tụ chứng tỏ mục đích hôn nhân không đạt. Do đó không thể buộc một cuộc hôn nhân tồn tại mà không có hạnh phúc. Mặt khác chị H cũng đồng ý ly hôn nên chấp nhận đơn xin ly hôn của anh C, xử cho anh Nguyễn Thái C được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh H.

Về con chung: Vợ chồng anh C, chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thái T, sinh ngày: 11/5/2013 hiện đang sống với chị H. Trường hợp ly hôn anh C đề nghị giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Tại bản tự khai ngày 17/9/2018 thì chị H đồng ý với yêu cầu của anh C về việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con. Do đó để không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại cũng như phù hợp với nguyện vọng của anh C, chị H thì cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Thái T cho chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng; anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

[4] Về án phí: Anh C là người nộp đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thái C về việc xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh H. Xử cho anh Nguyễn Thái C được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thái T, sinh ngày 11/5/2013 cho chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Thái C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt thực hiện theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Sau khi ly hôn anh C, chị H vẫn có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung. Anh C được quyền đến thăm con, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Anh C được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có yêu cầu.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Thái C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 006722 ngày 07/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Anh C phải nộp thêm 300.000 đồng.

Anh C, chị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**\* Nơi nhận :**

- CCTHADS H. Long Thành;
- VKSND H. Long Thành;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- UBND xã Tiên Long;
- Lưu văn phòng.

**Nguyễn Văn Thành**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN**

**Lưu Đức Chung – Lê Thị Ánh Sáng**

**Nguyễn Văn Thành**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN**



**Phạm Văn Huynh – Lưu Đức Chung**

**Nguyễn Văn Thành**